

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA  
THÔNG TƯ SỐ 02/2025/TT-BVHTTDL NGÀY 14/4/2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO  
TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ DO VIỆT NAM ĐĂNG CAI**

| <b>Thông tư 02/2025/TT-BVHTTDL</b>  | <b>Thông tư sửa đổi, bổ sung</b>  | <b>Thuyết minh</b> |
|---|---|--------------------|
| <i>Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;</i>  | <i>Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;</i>  | Giữ nguyên căn cứ  |
| <i>Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;</i> | <i>Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;</i>                           | Giữ nguyên căn cứ  |
| <i>Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;</i>   | <i>Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;</i>   | Giữ nguyên căn cứ  |
|   | <i>Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;</i> | Cập nhật căn cứ    |

|  |   |                   |
|--|---|-------------------|
| <i>Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</i>                  | <i>Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;</i>   | Giữ nguyên căn cứ |
| <i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;</i>  | <i>Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thể dục thể thao Việt Nam;</i>   | Giữ nguyên căn cứ |
| <i>Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai.</i> | <i>Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai.</i> | Cập nhật căn cứ   |
| <b>Điều 1.</b> Phạm vi điều chỉnh  | Giữ nguyên quy định   |                   |
| <b>Điều 2.</b> Đối tượng áp dụng   | Giữ nguyên quy định   |                   |
| <b>Điều 3.</b> Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật   | Giữ nguyên quy định   |                   |
| <b>Điều 4.</b> Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật  |   |                   |
| 1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:<br>a) Hao phí lao động: Là thời gian lao động   | Giữ nguyên quy định   |                   |

trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn theo hướng dẫn triển khai dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động; 01 buổi hoặc trận làm việc tương ứng 04 giờ (tương đương một phần hai công), bảo đảm làm việc tối đa không được vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày; mức hao phí lao động gián tiếp tính theo tỷ lệ 15% của lao động trực tiếp tương ứng.

b) Hao phí thiết bị: Là thời gian sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 1 ngày làm việc (8 giờ) theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động.

c) Hao phí vật tư: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Tên định mức.</p> <p>b) Mô tả thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.</p> <p>c) Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hao phí lao động: Chức danh và hạng bậc lao động, đơn vị tính trị số định mức hao phí;</li> <li>- Hao phí thiết bị: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, mức hao phí;</li> <li>- Hao phí vật tư: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, mức hao phí;</li> <li>- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số của hao phí lao động, máy móc, thiết bị, vật tư.</li> </ul> | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |  |
| <p>d) Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.</p>  | <p><b>Điều 1. Thay thế Phụ lục tại điểm d khoản 2 Điều 4</b></p> <p>Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn</p> | <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật thi đấu quốc tế một số môn thể thao thay đổi.</li> </ul> |

|   |  |   |
|---|--|---|
|   | <p>hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai bởi Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các liên đoàn thể thao quốc tế thay đổi quy chuẩn tổ chức giải.</li> <li>- Quy mô tổ chức một số giải trong nước được mở rộng về số lượng VĐV.</li> <li>- Thực tế hiện nay có một số môn thể thao mới được đưa vào hệ thống thi đấu thể thao trong nước và quốc tế.</li> </ul> |
| <b>Điều 5. Tổ chức thực hiện</b>  | Giữ nguyên quy định  |   |
| <b>Điều 6. Hiệu lực thi hành</b><br>1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.  | <b>Điều 2. Điều khoản thi hành</b><br>Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.  |   |
| <p>2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.</p> <p>3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (qua Cục Thể dục thể thao Việt Nam) để xem xét, giải quyết./.</p> | Giữ nguyên quy định  |   |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ KIẾN NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BIỂU ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ TỔ CHỨC CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ DO VIỆT NAM ĐĂNG CAI**

|  |  |  |
|--|--|--|
| <b>Biểu số 1<br/>MÔN BẮN CUNG</b>  | <b>Biểu số 1.<br/>MÔN BẮN CUNG</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 2<br/>MÔN BẮN NỎ, BẮN NÁ</b>  | <b>Biểu số 2<br/>MÔN BẮN NỎ, BẮN NÁ</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <p align="center"><b>Biểu số 3<br/>MÔN BẮN SÚNG</b></p> <p><b>Bảng 1. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG</b><br/> <b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br/> - Số thứ tự 19: số lượng giải quốc tế: 20, số lượng giải quốc gia 20.<br/> - Số thứ tự 20: số lượng giải quốc tế 4.<br/><br/> - Số thứ tự 21: Bộ máy Compak Sporting, số lượng giải quốc tế: 6, số lượng giải quốc gia 4.</p> <p><b>Bảng 3. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ</b><br/> - Số thứ tự 18: Giấy bia các loại, số lượng giải quốc tế 80.000 tờ, giải quốc gia: 80.000 tờ</p> | <p align="center"><b>Biểu số 3<br/>MÔN BẮN SÚNG</b></p> <p><b>Bảng 1. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG</b><br/> <b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br/> - Sửa đổi nội dung số thứ tự 19: số lượng giải quốc tế: 45, số lượng giải quốc gia: 30.<br/> - Sửa đổi nội dung số thứ tự 20: số lượng giải quốc tế: 6.<br/> - Sửa đổi nội dung số thứ tự 21: Bộ máy phóng Compak Sporting, số lượng giải quốc tế: 48, số lượng giải quốc gia: 12.<br/> - Bổ sung nội dung thứ tự: 23. Bộ máy phóng Sporting Clay; 24. Ô che nắng; 25. Ổ cắm đa năng 30m; 26. Tivi hoặc màn hình LED; 27. Đèn rọi bia; 28. Quạt hơi nước; 29. Kính lúp soi điểm; 30. Ống nhôm; 31. Lều chức năng; 32. Nhà vệ sinh di động; 33. Bảng số bộ từ 1-100; 34. Bộ kiểm tra trang bị thi đấu (các loại); 35. Loa đài (hệ thống âm thanh</p> <p><b>Bảng 3. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ</b><br/> - Sửa đổi nội dung số thứ tự 18: Bia giấy các loại:<br/> 18.1 Bia giấy súng trường hơi; 18.2 Bia giấy súng ngắn hơi; 18.3 Bia giấy súng trường hơi</p> | <p align="center">Giữ nguyên quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;</li> <li>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</li> <br/> <li>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;</li> <li>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</li> <br/> <li>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;</li> <li>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</li> </ul> |

|   |   |   |
|---|---|---|
| <p>- Số thứ tự 19: Giấy bia sử dụng điện, số lượng giải quốc tế 10.000 tờ, giải quốc gia: 10.000 tờ</p> | <p>di động; 18.4 Bia giấy bán chậm (4b); 18.5 Bia giấy tốc độ; 18.6 Bia giấy súng trường (7b).</p> <p>- Sửa đổi nội dung số thứ tự 19: Bia giấy sử dụng điện: 19.1 Bia giấy, mặt phía trước, nội dung súng trường hơi di động; 19.2 Bia giấy (hoặc chất liệu khác), mặt phía trước cự ly 10m; 19.3 Bia giấy (hoặc chất liệu khác), mặt phía trước cự ly 50m, 25m; 19.4 Bia giấy, cuộn giấy màu đen xác định điểm chạm cự ly 10m; 19.5 Bia giấy (hoặc chất liệu khác) mặt phía sau xác định điểm chạm cự ly 50m, 25m.</p> <p>- Bổ sung số thứ tự: 37. Đĩa tiêu chuẩn; 38. Đĩa chung kết; 39. Đĩa Thỏ (Rabbit); 40. Đĩa Battue; 41. Đĩa midi; 41. Đĩa mini; 42. Biên bản kiểm tra trang bị vdv (02 niên); 43. Thẻ kho (giữ súng và trang bị); 44. Bảng lật điểm (đĩa bay); 45. Tem kiểm tra súng – trang bị</p> | <p>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br/>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</p> <p>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br/>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</p> |
| <p><b>Biểu số 4<br/>MÔN BI SẮT (PETANQUE)</b></p>   | <p><b>Biểu số 4<br/>MÔN BI SẮT (PETANQUE)</b></p>   | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |
| <p><b>Biểu số 5<br/>MÔN BILLIARDS &amp; SNOOKER</b></p>   | <p><b>Biểu số 5<br/>MÔN BILLIARDS &amp; SNOOKER</b></p>   | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |
| <p><b>Biểu số 6<br/>MÔN BÓNG BÀN</b></p>  | <p><b>Biểu số 6<br/>MÔN BÓNG BÀN</b></p>  | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |
| <p><b>Biểu số 7<br/>MÔN BÓNG CHÀY, BÓNG MỀM</b></p>   | <p><b>Biểu số 7<br/>MÔN BÓNG CHÀY, BÓNG MỀM</b></p>   | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |
| <p><b>Biểu số 8<br/>MÔN BÓNG CHUYỀN TRONG NHÀ</b></p>   | <p><b>Biểu số 8<br/>MÔN BÓNG CHUYỀN TRONG NHÀ</b></p>   | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |
| <p><b>Biểu số 9<br/>MÔN BÓNG CHUYỀN BÃI BIỂN</b></p>  | <p><b>Biểu số 9<br/>MÔN BÓNG CHUYỀN BÃI BIỂN</b></p>  | <p>Giữ nguyên quy định</p>  |

|  |   |  |
|--|---|--|
| <b>Biểu số 10<br/>MÔN BÓNG ĐÁ</b>                                | <b>Biểu số 10<br/>MÔN BÓNG ĐÁ</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 11<br/>MÔN BÓNG ĐÁ BÃI BIỂN</b>                       | <b>Biểu số 11<br/>MÔN BÓNG ĐÁ BÃI BIỂN</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 12<br/>MÔN BÓNG ĐÁ FUTSAL</b>                         | <b>Biểu số 12<br/>MÔN BÓNG ĐÁ FUTSAL</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 13<br/>MÔN BÓNG NÉM TRONG NHÀ</b>                     | <b>Biểu số 13<br/>MÔN BÓNG NÉM TRONG NHÀ</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 14<br/>MÔN BÓNG NÉM BÃI BIỂN</b>                      | <b>Biểu số 14<br/>MÔN BÓNG NÉM BÃI BIỂN</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 15<br/>MÔN BÓNG RỔ 3X3</b>                            | <b>Biểu số 15<br/>MÔN BÓNG RỔ 3X3</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 16<br/>MÔN BÓNG RỔ 5X5</b>                            | <b>Biểu số 16<br/>MÔN BÓNG RỔ 5X5</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 17<br/>MÔN BOXING</b>                                 | <b>Biểu số 17<br/>MÔN BOXING</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 18<br/>MÔN BOWLING</b>                                | <b>Biểu số 18<br/>MÔN BOWLING</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 19<br/>MÔN BƠI</b>                                    | <b>Biểu số 19<br/>MÔN BƠI</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 20<br/>MÔN CẦU LÔNG</b>                               | <b>Biểu số 20<br/>MÔN CẦU LÔNG</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 21<br/>MÔN CẦU MÂY</b>                                | <b>Biểu số 21<br/>MÔN CẦU MÂY</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 22<br/>MÔN CANOEING<br/>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b> | <b>Biểu số 22<br/>MÔN CANOEING<br/>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br>- Bổ sung nội dung thứ tự: 55. Cờ và cột treo cờ; 56. Cờ và bộ cột cờ trao thưởng; 57. Bộ bục trao thưởng; 58. Tháp đích (cao tối thiểu 9m); 59. Cầu lên xuống thuyền; 60. Cầu lên, | - Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải. |

|   |   |                     |
|---|---|---------------------|
|   | xuồng máy; 61. Cáp lựu 8,0 mm; 62. Bóng nhựa cao su (màu đỏ, vàng phi 15cm); 63. Dây cước buộc bóng; 64. Neo cáp dưới đáy hồ; 65. Cọc thép neo dây cáp; 66. Phao hiệu giữa quãng (Nồi hình hộp); 67. Bóng đỏ cảnh giới; 68. Khung ngắm đích; 69. Bảng hiệu đích; 70. Bộ xuất phát và tính giờ tự động; 71. Bộ cần trục giữ thuyền xuất phát tự động; 72. Cầu phao xuất phát; 73. Cầu điều khiển giống hàng; 74. Tháp xuất phát nổi, sàn tầng 2 cao 3,5m; 75. Tháp giống hàng nổi, sàn tầng 2 cao 3m; 76. Chòi bấm giờ giữa quãng. |                     |
| <b>Biểu số 23<br/>MÔN CẦU CÁ THỂ THAO</b> | <b>Biểu số 23<br/>MÔN CẦU CÁ THỂ THAO</b>   | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 24<br/>MÔN CỜ TUỞNG</b>        | <b>Biểu số 24<br/>MÔN CỜ TUỞNG</b>  | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 25<br/>MÔN CỜ VÂY</b>          | <b>Biểu số 25<br/>MÔN CỜ VÂY</b>  | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 26<br/>MÔN CỜ VUA</b>          | <b>Biểu số 26<br/>MÔN CỜ VUA</b>  | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 27<br/>MÔN CỬ TẠ</b>           | <b>Biểu số 27<br/>MÔN CỬ TẠ</b>   | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 28<br/>MÔN DÙ LƯỢN</b>         | <b>Biểu số 28<br/>MÔN DÙ LƯỢN</b>   | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 29<br/>MÔN ĐÁ CẦU</b>          | <b>Biểu số 29<br/>MÔN ĐÁ CẦU</b>  | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 30<br/>MÔN ĐẤY GẬY</b>         | <b>Biểu số 30<br/>MÔN ĐẤY GẬY</b>   | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 31<br/>MÔN ĐẤU KIẾM</b>        | <b>Biểu số 31<br/>MÔN ĐẤU KIẾM</b>  | Giữ nguyên quy định |

|   |   |                     |
|---|---|---------------------|
| <b>Biểu số 32<br/>MÔN ĐIỀN KINH</b>         | <b>Biểu số 32<br/>MÔN ĐIỀN KINH</b>         | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 33<br/>MÔN GOLF</b>              | <b>Biểu số 33<br/>MÔN GOLF</b>              | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 34<br/>MÔN JUDO</b>              | <b>Biểu số 34<br/>MÔN JUDO</b>              | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 35<br/>MÔN JUJITSU</b>           | <b>Biểu số 35<br/>MÔN JUJITSU</b>           | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 36<br/>MÔN KARATE</b>            | <b>Biểu số 36<br/>MÔN KARATE</b>            | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 37<br/>MÔN KICKBOXING</b>        | <b>Biểu số 37<br/>MÔN KICKBOXING</b>        | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 38<br/>MÔN KÉO CO</b>            | <b>Biểu số 38<br/>MÔN KÉO CO</b>            | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 39<br/>MÔN KHIÊU VŨ THỂ THAO</b> | <b>Biểu số 39<br/>MÔN KHIÊU VŨ THỂ THAO</b> | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 40<br/>MÔN KURASH</b>            | <b>Biểu số 40<br/>MÔN KURASH</b>            | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 41<br/>MÔN LẶN</b>               | <b>Biểu số 41<br/>MÔN LẶN</b>               | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 42<br/>MÔN LÂN SƯ RỒNG</b>       | <b>Biểu số 42<br/>MÔN LÂN SƯ RỒNG</b>       | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 43<br/>MÔN MUAY</b>              | <b>Biểu số 43<br/>MÔN MUAY</b>              | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 44<br/>MÔN NHẢY CẦU</b>          | <b>Biểu số 44<br/>MÔN NHẢY CẦU</b>          | Giữ nguyên quy định |
| <b>Biểu số 45<br/>MÔN Ô TÔ THỂ THAO</b>     | <b>Biểu số 45<br/>MÔN Ô TÔ THỂ THAO</b>     | Giữ nguyên quy định |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 46</b><br/><b>MÔN ROWING</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b></p> | <p><b>Biểu số 46</b><br/><b>MÔN ROWING</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br/>- Bổ sung nội dung thứ tự: 55. Cờ và cột treo cờ; 56. Cờ và bộ cột cờ trao thưởng; 57. Bộ bục trao thưởng; 58. Tháp đích (cao tối thiểu 9m); 59. Cáp lựu 8,0 mm; 60. Bóng nhựa cao su (màu đỏ, vàng phi 15cm); 61. Dây cước buộc bóng; 62. Neo cáp dưới đáy hồ; 63. Cọc thép néo dây cáp; 64. Biển phao hiệu giữa quãng (Nồi hình hộp); 65. Bóng đỏ cảnh giới; 66. Khung ngắm đích; 67. Bảng hiệu đích; 68. Cầu phao nổi lên xuống thuyền; 69. Cầu lên xuống xuống máy; 70. Bộ cần trục giữ thuyền xuất phát tự động; 71. Cầu phao xuất phát; 72. Cầu điều khiển gióng hàng; 73. Tháp xuất phát nổi, sàn tầng 2 cao 3,5m; 74. Tháp gióng hàng nổi, sàn tầng 2 cao 3m; 75. Chòi bám giờ giữa quãng.</p> | <p>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br/>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</p> |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 47</b><br/><b>MÔN PENCAK SILAT</b></p>                                | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 47</b><br/><b>MÔN PENCAK SILAT</b></p>   | <p style="text-align: center;">Giữ nguyên quy định</p>   |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 48</b><br/><b>MÔN QUÂN VỢT</b></p>                                    | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 48</b><br/><b>MÔN QUÂN VỢT</b></p>   | <p style="text-align: center;">Giữ nguyên quy định</p>   |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 49</b><br/><b>MÔN SAILING</b></p>                                     | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 49</b><br/><b>MÔN SAILING</b></p>  |  |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 50</b><br/><b>MÔN SAMBO</b></p>                                       | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 50</b><br/><b>MÔN SAMBO</b></p>  | <p style="text-align: center;">Giữ nguyên quy định</p>   |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 51</b><br/><b>MÔN TAEKWONDO</b></p>                                   | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 51</b><br/><b>MÔN TAEKWONDO</b></p>  | <p style="text-align: center;">Giữ nguyên quy định</p>   |
| <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 52</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC AEROBIC</b></p>                             | <p style="text-align: center;"><b>Biểu số 52</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC AEROBIC</b></p>  | <p style="text-align: center;">Giữ nguyên quy định</p>   |

|   |  |  |
|---|--|--|
| <p align="center"><b>Biểu số 53</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC DỤNG CỤ</b></p>  | <p align="center"><b>Biểu số 53</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC DỤNG CỤ</b></p>   | Giữ nguyên quy định  |
| <p align="center"><b>Biểu số 54</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC NGHỆ THUẬT</b></p>   | <p align="center"><b>Biểu số 54</b><br/><b>MÔN THỂ DỤC NGHỆ THUẬT</b></p>  | Giữ nguyên quy định  |
| <p align="center"><b>Biểu số 55</b><br/><b>MÔN THỂ HÌNH</b></p>   | <p align="center"><b>Biểu số 55</b><br/><b>MÔN THỂ HÌNH</b></p>  | Giữ nguyên quy định  |
| <p align="center"><b>Biểu số 56</b><br/><b>MÔN THUYỀN TRUYỀN THỐNG</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b></p>         | <p align="center"><b>Biểu số 56</b><br/><b>MÔN THUYỀN TRUYỀN THỐNG</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br/>- Bổ sung nội dung thứ tự: 47. Cờ và cột treo cờ; 48. Cờ và bộ cột cờ trao thưởng; 49. Bộ bục trao thưởng; 50. Tháp đích (cao tối thiểu 9m); 51. Cáp lựu 8,0 mm; 52. Bóng nhựa cao su (màu đỏ, vàng phi 15cm); 53. Dây cước buộc bóng; 54. Neo cáp dưới đáy hồ; 55. Cọc thép neo dây cáp; 56. Phao hiệu giữa quãng (Nổi hình hộp); 57. Bóng đỏ cảnh giới; 58. Khung ngắm đích; 59. Bảng hiệu đích; 60. Cầu phao nổi lên xuống thuyền; 61. Cầu lên, xuống máy; 62. Cầu phao xuất phát; 63. Cầu điều khiển gióng hàng; 64. Tháp xuất phát nổi, sàn tầng 2 cao 3,5m; 65. Tháp gióng hàng nổi, sàn tầng 2 cao 3m; 66. Chòi bấm giờ giữa quãng.</p> | <p>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br/>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</p> |
| <p align="center"><b>Biểu số 57</b><br/><b>MÔN TRIATHLON (BA MÔN PHỐI HỢP)</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b></p> | <p align="center"><b>Biểu số 57</b><br/><b>MÔN TRIATHLON (BA MÔN PHỐI HỢP)</b><br/><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br/>- Bổ sung nội dung thứ tự: 73. Phao cứu sinh loại tròn; 74. Thuyền phao nổi; 75. Dây phao/dây phao nổi; 76. Thảm chống trơn trượt khu bơi; 77. Thiết bị đo khoảng cách các phao;</p>   | <p>- Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br/>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải.</p> |

|   |  |  |
|---|--|--|
|   | 78. Đèn pin chiếu xa; 79. Phao nổi lắp ghép (xuất phát bơi).   |  |
| <b>Biểu số 58<br/>MÔN TRƯỢT BĂNG</b>                                      | <b>Biểu số 58<br/>MÔN TRƯỢT BĂNG</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 59<br/>MÔN TRƯỢT VÁN-PATIN</b>                                 | <b>Biểu số 59<br/>MÔN TRƯỢT VÁN-PATIN</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 60<br/>MÔN VẬT</b>   | <b>Biểu số 60<br/>MÔN VẬT</b><br><b>Bảng 2. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ</b><br>- Bổ sung nội dung thứ tự: 27. Sàn nổi thi đấu; 28. Bục cho trọng tài; 29. In thẻ; 30. Thùng đựng nước 100L; 31. Trang cát; 32. Nhà bạt che mưa, nắng 5m x15m; 33. Bộ dây giới hạn vòng tròn sân thi đấu; 34. Nhà vệ sinh di động; 35. Ô che nắng, mưa. | - Giải đấu gia tăng về quy mô số lượng VĐV tham dự;<br>- Định mức tại TT 02 chưa phù hợp với thực tế tổ chức giải. |
| <b>Biểu số 61<br/>MÔN VẬT DÂN TỘC</b>                                     | <b>Biểu số 61<br/>MÔN VẬT DÂN TỘC</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 62<br/>MÔN VOVINAM</b>   | <b>Biểu số 62<br/>MÔN VOVINAM</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 63<br/>MÔN VÕ CỔ TRUYỀN</b>                                    | <b>Biểu số 63<br/>MÔN VÕ CỔ TRUYỀN</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 64<br/>MÔN XE ĐẠP ĐƯỜNG TRƯỜNG</b>                             | <b>Biểu số 64<br/>MÔN XE ĐẠP ĐƯỜNG TRƯỜNG</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 65<br/>MÔN XE ĐẠP ĐỊA HÌNH</b>                                 | <b>Biểu số 65<br/>MÔN XE ĐẠP ĐỊA HÌNH</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 66<br/>MÔN WUSHU</b>   | <b>Biểu số 66<br/>MÔN WUSHU</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 67<br/>MÔN HỘI THI THỂ THAO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TOÀN QUỐC</b> | <b>Biểu số 67<br/>MÔN HỘI THI THỂ THAO CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TOÀN QUỐC</b>  | Giữ nguyên quy định  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <b>Biểu số 68</b><br><b>MÔN BƠI NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | <b>Biểu số 68</b><br><b>MÔN BƠI NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 69</b><br><b>MÔN BÓNG BÀN NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | <b>Biểu số 69</b><br><b>MÔN BÓNG BÀN NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 70</b><br><b>MÔN CẦU LÔNG NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | <b>Biểu số 70</b><br><b>MÔN CẦU LÔNG NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 71</b><br><b>MÔN CỬ TẠ NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | <b>Biểu số 71</b><br><b>MÔN CỬ TẠ NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 72</b><br><b>MÔN CỜ VUA NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | <b>Biểu số 72</b><br><b>MÔN CỜ VUA NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>   | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 73</b><br><b>MÔN ĐIỀN KINH NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | <b>Biểu số 73</b><br><b>MÔN ĐIỀN KINH NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b>  | Giữ nguyên quy định  |
| <b>Biểu số 74</b><br><b>CÁC MÔN JUDO, BÓNG ĐÁ KHIÊM THỊ;<br/>BOCCIA, QUẦN VỢT XE LĂN; BẮN CUNG<br/>NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b> | <b>Biểu số 74</b><br><b>CÁC MÔN JUDO, BÓNG ĐÁ KHIÊM THỊ;<br/>BOCCIA, QUẦN VỢT XE LĂN; BẮN CUNG<br/>NGƯỜI KHUYẾT TẬT</b> | Giữ nguyên quy định  |
|   | <b>Biểu số 75</b><br><b>MÔN PICKLEBALL</b><br>Biểu định mức bổ sung mới   | - Thực tế hiện nay có một số môn thể thao mới được đưa vào hệ thống thi đấu thể thao trong nước và quốc tế;<br>- Định mức tại TT 02 chưa quy định. |
|   | <b>Biểu số 76</b><br><b>MÔN TEQBALL</b><br>Biểu định mức bổ sung mới  | - Thực tế hiện nay có một số môn thể thao mới được đưa vào hệ thống thi đấu thể thao trong nước và quốc tế;<br>- Định mức tại TT 02 chưa quy định. |
|   | <b>Biểu số 77</b><br><b>MÔN BƠI MẶT NƯỚC MỎ</b><br>Biểu định mức bổ sung mới  | - Thực tế hiện nay có một số môn thể thao mới được đưa vào hệ thống thi đấu thể thao trong nước và quốc tế;<br>- Định mức tại TT 02 chưa quy định. |
|   | <b>Biểu số 78</b><br><b>GIẢI THỂ THAO QUẦN CHÚNG CẤP<br/>QUỐC GIA</b><br>Biểu định mức bổ sung mới                      | - Thực tế hiện nay có một số môn thể thao mới được đưa vào hệ thống thi đấu thể thao trong nước và quốc tế;<br>- Định mức tại TT 02 chưa quy định. |